



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 13 - 44 |
| 8. Phụ lục | 45 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (0296) 3.931.000 – 3.932.821
- Fax : (0296) 3.932.446

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả... đông lạnh); Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...); Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản; Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì; Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin); Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc; Sản xuất bao bì; Cho thuê kho lạnh; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1. Bà Trần Thị Vân Loan | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2010 |
| 2. Ông Trần Văn Nhân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2017 |
| 3. Ông Trần Tuấn Khanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2007 |
| 4. Ông Nguyễn Xuân Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015 |
| 5. Ông Huỳnh Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015 |
| 6. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2017 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| 1. Ông Phù Chí Khai | Trưởng ban | Ngày 28 tháng 7 năm 2014 |
| 2. Ông Nguyễn Tấn Tới | Thành viên | Ngày 09 tháng 4 năm 2007 |
| 3. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc | Thành viên | Ngày 31 tháng 3 năm 2008 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------------|-------------------|---------------------------|
| 1. Bà Trần Thị Vân Loan | Tổng Giám đốc | Ngày 13 tháng 11 năm 2007 |
| 2. Ông Trần Tuấn Khanh | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 18 tháng 10 năm 2007 |
| 3. Ông Nguyễn Xuân Hải | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 05 tháng 3 năm 2015 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Vân Loan – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2010).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0924/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cừu Long An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2017, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Tri - Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Nguyễn Thị Bé Ghi - Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 2646-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 791.304.731.638 | 698.516.793.597 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 94.379.347.526 | 32.803.065.481 |
| 1. Tiền | 111 | | 94.379.347.526 | 32.803.065.481 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 337.696.053.793 | 283.762.381.963 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 221.362.213.101 | 191.263.102.773 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 25.237.305.214 | 3.377.708.215 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 95.054.877.710 | 87.990.632.434 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 9.441.270.765 | 13.680.161.577 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (13.399.612.997) | (12.549.223.036) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 312.555.008.164 | 335.280.072.895 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 312.555.008.164 | 335.280.072.895 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 46.674.322.155 | 46.671.273.258 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 340.541.539 | 730.322.548 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 46.333.780.616 | 45.802.476.256 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | - | 138.474.454 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 319.868.700.856 | 332.453.763.210 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 249.700.000 | 249.865.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 249.700.000 | 249.865.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 243.615.197.921 | 257.070.593.061 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 198.932.851.530 | 211.371.059.128 |
| - Nguyên giá | 222 | | 356.961.926.888 | 355.701.939.488 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (158.029.075.358) | (144.330.880.360) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 44.682.346.391 | 45.699.533.933 |
| - Nguyên giá | 228 | | 58.779.410.862 | 58.779.410.862 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (14.097.064.471) | (13.079.876.929) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 7.465.390.305 | 6.136.127.214 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 7.465.390.305 | 6.136.127.214 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 61.596.463.043 | 61.596.463.043 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2 | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2 | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2 | (2.003.536.957) | (2.003.536.957) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.941.949.587 | 7.400.714.892 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 6.428.668.161 | 7.107.778.260 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 513.281.426 | 292.936.632 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.111.173.432.494 | 1.030.970.556.807 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 759.493.733.889 | 690.798.821.835 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 705.609.600.628 | 640.580.734.584 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 85.565.195.351 | 20.183.061.458 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 9.963.154.320 | 5.031.738.485 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 556.110.021 | 8.528.834 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 7.599.326.919 | 6.777.946.801 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 3.903.242.246 | 4.998.305.367 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 2.428.816.170 | 2.433.810.114 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 595.291.896.474 | 599.118.599.398 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 301.859.127 | 2.028.744.127 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 53.884.133.261 | 50.218.087.251 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 53.884.133.261 | 50.218.087.251 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.22 | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 351.679.698.605 | 340.171.734.972 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 351.679.698.605 | 340.171.734.972 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.23a | 227.996.750.000 | 227.996.750.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 227.996.750.000 | 227.996.750.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.23a | 15.520.224.200 | 15.520.224.200 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.23a | 13.724.355.427 | 13.724.355.427 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.23a | 94.438.368.978 | 82.930.405.345 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 82.930.405.345 | 82.930.405.345 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 11.507.963.633 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.111.173.432.494 | 1.030.970.556.807 |

An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2017


Trương Minh Duy
Người lập

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 509.151.897.366 | 570.222.449.728 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 396.140.411 | 1.435.538.950 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 508.755.756.955 | 568.786.910.778 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 435.560.624.595 | 503.823.858.672 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 73.195.132.360 | 64.963.052.106 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 5.506.649.930 | 11.637.552.697 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 22.530.056.724 | 26.236.587.144 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 21.572.537.037 | 24.183.089.207 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 28.698.507.026 | 25.810.560.645 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 14.724.372.892 | 12.934.927.390 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 12.748.845.648 | 11.618.529.624 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 157.262.800 | 1.595.250 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 320.395.641 | 487.023.538 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (163.132.841) | (485.428.288) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 12.585.712.807 | 11.133.101.336 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 1.298.093.968 | 345.563.990 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.10 | (220.344.794) | 42.223.087 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 11.507.963.633 | 10.745.314.259 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | - | - |

An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Trương Minh Duy
Người lậpTrương Minh Duy
Kế toán trưởngTrần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 12.585.712.807 | 11.133.101.336 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.10, V.11 | 14.715.382.540 | 13.551.459.259 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.7 | 850.389.961 | (69.965.310) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 137.699.023 | 692.725.911 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (3.783.606.651) | (10.223.325.005) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 21.572.537.037 | 24.183.089.207 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 46.078.114.717 | 39.267.085.398 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (52.686.772.723) | 49.427.315.815 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | V.8 | 22.725.064.731 | (109.062.335.680) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 70.097.516.846 | (5.367.539.141) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.068.891.108 | (4.363.317.056) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18, VI.5 | (21.636.151.938) | (24.220.324.638) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (610.702.389) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.21 | (1.726.885.000) | (1.094.387.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 63.309.075.352 | (55.413.502.302) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10, V.12 | (2.589.250.491) | (4.675.009.025) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.5 | (21.800.000.000) | (27.200.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.5 | 14.735.754.724 | 3.700.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.6, VI.4 | 8.239.906.773 | 3.867.091.672 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.413.588.994) | (24.307.917.353) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20a,b | 605.577.723.536 | 946.398.506.254 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20a | (605.738.380.450) | (869.525.578.742) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (11.039.805.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (160.656.914) | 65.833.122.512 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 61.734.829.444 | (13.888.297.143) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 32.803.065.481 | 41.661.116.439 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (158.547.399) | (2.936.373) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 94.379.347.526 | 27.769.882.923 |

An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2017


Trương Minh Duy
Người lập


Trương Minh Duy
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

315
TY
HỮU
A TU
C
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á có trụ sở chính tại lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là chế biến và nuôi trồng thủy sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.226 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.396 nhân viên).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4987
CÔNG TY
NIÊM HỮU
N VÀ T
& C
T. PH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, lắp đặt. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, lắp đặt

Chi phí sửa chữa, lắp đặt phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 35 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 25.213.305.001 | 1.728.229.670 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 69.166.042.525 | 31.074.835.811 |
| Cộng | 94.379.347.526 | 32.803.065.481 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|---------------------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 60.000.000.000 | - | 60.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á ⁽ⁱ⁾ | 60.000.000.000 | - | 60.000.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 3.600.000.000 (2.003.536.957) | - | 3.600.000.000 (2.003.536.957) | - |
| Công ty Cổ phần Tô Châu ⁽ⁱⁱ⁾ | 3.600.000.000 (2.003.536.957) | - | 3.600.000.000 (2.003.536.957) | - |
| Cộng | 63.600.000.000 (2.003.536.957) | - | 63.600.000.000 (2.003.536.957) | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601269529 thay đổi lần 9 ngày 10 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á 60.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.

(ii) Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tô Châu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.003.536.957 | 1.978.442.889 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ | - | 25.094.068 |
| Số cuối kỳ | 2.003.536.957 | 2.003.536.957 |

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á là công ty con như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bán thức ăn | 22.772.120.000 | 43.476.450.000 |
| Bán cá nguyên liệu | 8.997.503.345 | - |
| Mua cá nguyên liệu | 30.345.241.190 | 47.729.415.665 |
| Phí gia công, phí đóng cont | 18.767.666.663 | 30.654.678.749 |
| Cho vay | 21.800.000.000 | 27.200.000.000 |
| Phải thu lãi cho vay | 3.783.606.651 | 3.223.325.005 |
| Phải thu cổ tức được chia | - | 7.000.000.000 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 10.100.339.795 | 499.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á | 9.180.339.795 | - |
| Trần Tuấn Nam | 920.000.000 | 499.000.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 211.261.873.306 | 190.764.102.773 |
| Trần Trọng Đức | 11.951.746.463 | 689.578.890 |
| Saudi Pan Gulf Trading Co., Ltd | 22.614.875.000 | 6.679.680.000 |
| Frigorifico Jahu LTDA | 1.055.550.000 | 6.708.080.000 |
| Grupo Almos S.A.DEC.V | 31.915.292.000 | 16.147.631.104 |
| Quwat Albahr For Trading | 63.515.689.600 | 77.931.531.200 |
| Comercializadora Mexico Americana S.DE R.L DECV | 6.139.351.200 | 8.499.324.800 |
| Mohammed S.H. Shama Comercial EST | 10.819.955.000 | 8.934.640.000 |
| Các khách hàng khác | 63.249.414.043 | 65.173.636.779 |
| Cộng | 221.362.213.101 | 191.263.102.773 |

Toàn bộ công nợ phải thu có tổng giá trị ghi sổ là 221.362.213.101 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Trịnh Thị Hương | 931.350.700 | 931.350.700 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phát | - | 66.983.000 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ nhiệt Vinh Quang | 7.332.092.020 | - |
| Marubeni Grain and Oilseeds Trading | 12.802.187.811 | - |
| Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam | - | 654.750.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 4.171.674.683 | 1.724.624.515 |
| Cộng | <u>25.237.305.214</u> | <u>3.377.708.215</u> |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á (là bên liên quan) vay với lãi suất 07%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 7.000.000.000 | - | 11.456.300.122 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á | 7.000.000.000 | - | 11.456.300.122 | - |
| - Lãi cho vay | - | - | 4.456.300.122 | - |
| - Cổ tức được chia | 7.000.000.000 | - | 7.000.000.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 2.441.270.765 | - | 2.223.861.455 | - |
| Tiền lãi ứng trước | 619.430.200 | - | 619.430.200 | - |
| Tạm ứng | 1.475.803.798 | - | 1.373.391.121 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 346.036.767 | - | 231.040.134 | - |
| Cộng | <u>9.441.270.765</u> | <u>-</u> | <u>13.680.161.577</u> | <u>-</u> |

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | <u>Số cuối kỳ</u> | | Thời gian quá hạn | <u>Số đầu năm</u> | |
|---------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------------|
| | | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> | | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> |
| Alliance Seafood Group - Phải thu tiền hàng | Trên 3 năm | 4.463.397.488 | - | Trên 3 năm | 4.467.329.997 | - |
| Montkaura, S.L - Phải thu tiền hàng | Trên 3 năm | 4.816.962.700 | - | Trên 3 năm | 4.821.206.720 | - |
| Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN - Phải thu tiền hàng | Trên 3 năm | 2.516.976.000 | - | Trên 3 năm | 2.519.193.600 | - |
| Kanpa International Sales - Phải thu tiền hàng | Trên 3 năm | 1.647.452.500 | 1.153.216.750 | | - | - |
| Promark F.Z.E - Phải thu tiền hàng | Trên 3 năm | 1.223.393.800 | 856.375.660 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu các tổ chức khác - Phải thu tiền hàng năm | Từ 1 năm đến trên 3 năm | 741.022.919 | - | Trên 3 năm | 741.492.719 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Trả trước người bán | Trên 3 năm | 1.077.385.434 | 1.077.385.434 | Trên 3 năm | 1.070.565.120 | 1.070.565.120 |
| Phải thu các cá nhân khác - Phải thu khác | Trên 3 năm | 665.381.210 | 665.381.210 | Trên 3 năm | 622.930.200 | 622.930.200 |
| Cộng | | 17.151.972.051 | 3.752.359.054 | | 14.242.718.356 | 1.693.495.320 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 12.549.223.036 | 12.402.559.997 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 850.389.961 | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (95.059.378) |
| Số cuối kỳ | 13.399.612.997 | 12.307.500.619 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 48.307.658.164 | - | 49.517.855.321 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 4.019.998.598 | - | 4.220.044.746 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 61.902.281.226 | - | 48.772.940.744 | - |
| Thành phẩm | 196.933.943.112 | - | 231.937.739.232 | - |
| Hàng gửi đi bán | 1.391.127.064 | - | 831.492.852 | - |
| Cộng | 312.555.008.164 | - | 335.280.072.895 | - |

Một số thành phẩm tồn kho có tổng giá trị ghi sổ là 189.090.415.209 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ | 299.078.660 | 636.924.756 |
| Chi phí sửa chữa | 41.462.879 | 93.397.792 |
| Cộng | 340.541.539 | 730.322.548 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ | 1.729.445.464 | 2.025.736.379 |
| Chi phí sửa chữa | 3.611.570.943 | 3.410.754.176 |
| Chi phí lắp đặt | 1.039.583.574 | 1.591.174.077 |
| Chi phí bảo trì, bảo dưỡng | 48.068.180 | 80.113.628 |
| Cộng | 6.428.668.161 | 7.107.778.260 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 123.590.695.155 | 227.026.328.018 | 3.519.287.425 | 1.565.628.890 | 355.701.939.488 |
| Mua trong kỳ | - | 777.000.000 | - | - | 777.000.000 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 482.987.400 | - | - | 482.987.400 |
| Số cuối kỳ | 123.590.695.155 | 228.286.315.418 | 3.519.287.425 | 1.565.628.890 | 356.961.926.888 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 11.544.882.276 | 22.459.516.012 | 439.299.591 | 330.664.552 | 34.774.362.431 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 48.365.824.954 | 92.401.290.443 | 2.632.714.283 | 931.050.680 | 144.330.880.360 |
| Khấu hao trong kỳ | 4.062.161.352 | 9.368.381.848 | 173.774.466 | 93.877.332 | 13.698.194.998 |
| Số cuối kỳ | 52.427.986.306 | 101.769.672.291 | 2.806.488.749 | 1.024.928.012 | 158.029.075.358 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 75.224.870.201 | 134.625.037.575 | 886.573.142 | 634.578.210 | 211.371.059.128 |
| Số cuối kỳ | 71.162.708.849 | 126.516.643.127 | 712.798.676 | 540.700.878 | 198.932.851.530 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 183.128.900.433 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 58.461.610.862 | 317.800.000 | 58.779.410.862 |
| Số cuối kỳ | 58.461.610.862 | 317.800.000 | 58.779.410.862 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 12.904.900.248 | 174.976.681 | 13.079.876.929 |
| Khấu hao trong kỳ | 985.407.540 | 31.780.002 | 1.017.187.542 |
| Số cuối kỳ | 13.890.307.788 | 206.756.683 | 14.097.064.471 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 45.556.710.614 | 142.823.319 | 45.699.533.933 |
| Số cuối kỳ | 44.571.303.074 | 111.043.317 | 44.682.346.391 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 30.565.438.393 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-----------------------------------------------------|----------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|
| - Quyền khai thác đất bãi bồi vùng nuôi Mỹ Hòa Hưng | 1.744.787.500 | - | - | 1.744.787.500 |
| - Chi phí sửa hầm vùng nuôi Mỹ Hòa Hưng | - | 657.314.000 | - | 657.314.000 |
| - Phân xưởng 1 | - | 1.154.936.491 | (482.987.400) | 671.949.091 |
| - Các công trình khác | 4.391.339.714 | - | - | 4.391.339.714 |
| Cộng | 6.136.127.214 | 1.812.250.491 | (482.987.400) | 7.465.390.305 |

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 749.745.805 | 926.655.722 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (143.549.849) | (362.109.306) |
| Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (92.914.530) | (92.914.530) |
| Số cuối kỳ | 513.281.426 | 471.631.886 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (kỳ trước thuế suất là 15%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyễn Thị Thanh Tâm | 11.181.539.200 | - |
| Nguyễn Phước Tài | 22.951.105.400 | - |
| Nguyễn Lê Hoài Đức | 32.457.798.505 | - |
| Công ty TNHH Wilmar Agro Việt Nam | - | 1.136.870.700 |
| Công ty TNHH Minh Phát Cà Mau | 1.085.126.804 | 2.812.150.000 |
| Công ty Cổ phần Chế biến và Dịch vụ Thủy sản Cà Mau | - | 2.039.911.892 |
| Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam | 920.549.400 | 579.479.168 |
| Các nhà cung cấp khác | 16.969.076.042 | 13.614.649.698 |
| Cộng | 85.565.195.351 | 20.183.061.458 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Taitung Australia Pty Ltd | 103.556.816 | 103.556.816 |
| Zhanjiang Best And Fresh | 350.684.000 | 350.684.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyệt Trang | 3.549.603.253 | 995.360.928 |
| Các khách hàng khác | 5.959.310.251 | 3.582.136.741 |
| Cộng | 9.963.154.320 | 5.031.738.485 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 165.061.381 | (165.061.381) | - | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | - | 223.033.205 | (223.033.205) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 138.474.454 | 1.298.093.968 | (610.702.389) | 548.917.125 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 6.895.874 | - | 53.592.748 | (53.596.661) | 6.891.961 | - |
| Thuế tài nguyên | - | - | 25.966.135 | (25.665.200) | 300.935 | - |
| Các loại thuế khác | 1.632.960 | - | 3.000.000 | (4.632.960) | - | - |
| Cộng | 8.528.834 | 138.474.454 | 1.768.747.437 | (1.082.691.796) | 556.110.021 | - |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|-----------------------------|---------------------|
| Thành phẩm xuất khẩu | 0% |
| Thành phẩm tiêu thụ nội địa | Không chịu thuế, 5% |
| Dịch vụ | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản.

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 02 dự án được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2015 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 01 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm 2016 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thức ăn thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.585.712.807 | 11.133.101.336 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 6.787.666.299 | 6.383.241.108 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (5.009.169.296) | (5.908.822.577) |
| Thu nhập chịu thuế | 14.364.209.810 | 11.607.519.867 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | (7.000.000.000) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 14.364.209.810 | 4.607.519.867 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 2.872.841.962 | 921.503.973 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | (571.443.734) | (230.375.993) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | (1.003.304.260) | (345.563.990) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.298.093.968 | 345.563.990 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 5.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2017 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lưu kho | - | 187.909.117 |
| Chi phí lãi vay | 767.699.728 | 831.314.629 |
| Chi phí cước tàu và phí chứng từ | 1.748.798.225 | 1.683.950.611 |
| Chi phí vận chuyển | 1.127.934.373 | 1.624.024.936 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 258.809.920 | 671.106.074 |
| Cộng | <u>3.903.242.246</u> | <u>4.998.305.367</u> |

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 2.005.748.804 | 1.949.219.945 |
| Bảo hiểm xã hội | 326.981.450 | 379.157.348 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 96.085.916 | 105.432.821 |
| Cộng | <u>2.428.816.170</u> | <u>2.433.810.114</u> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 591.791.896.474 | 592.118.599.398 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾ | 5.146.267.343 | 31.337.937.306 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾ | 347.524.929.922 | 286.639.138.492 |
| - Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 30.400.000.000 | 52.400.000.000 |
| - Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ ^(iv) | 13.400.000.000 | 26.299.660.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(v) | 97.700.692.282 | 91.669.586.720 |
| - Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vi) | 54.500.000.000 | 57.000.000.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(vii) | 25.000.000.000 | 24.600.000.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(viii) | 5.389.722.927 | 22.172.276.880 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ^(ix) | 12.730.284.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 3.500.000.000 | 7.000.000.000 |
| Cộng | <u>595.291.896.474</u> | <u>599.118.599.398</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh chế biến thủy sản, xuất khẩu cá tra fillet, nuôi cá tra hầm và chế biến thức ăn thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, bao thanh toán, chiết khấu có truy đòi hối phiếu đòi nợ, tài trợ vốn thực hiện hợp đồng xuất khẩu với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, nhu cầu phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.3 và V.10).
- (iv) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động gồm: nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy sản và chế biến thức ăn với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng đối sản xuất, chế biến cá và 9 tháng đối với nuôi trồng và chế biến thức ăn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.11).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (tên cũ Ngân hàng Natixis - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3 và V.8).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cá tra xuất khẩu với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu (xem thuyết minh số V.3).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nuôi trồng, chế biến thủy sản, chi trả lương với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3 và V.8).
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động tài trợ xuất khẩu cá tra, cá ba sa theo phương thức L/C, DP, DA, T/T, CAD với lãi suất được quy định trong khế ước nhận nợ/thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị cho vay, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3 và V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------|------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 592.118.599.398 | 601.911.677.526 | (602.238.380.450) | 591.791.896.474 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 7.000.000.000 | - | (3.500.000.000) | 3.500.000.000 |
| Cộng | 599.118.599.398 | 601.911.677.526 | (605.738.380.450) | 595.291.896.474 |

0449
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn các bên liên quan | 34.400.000.000 | 34.400.000.000 |
| - Vay Ông Trần Tuấn Khanh ⁽ⁱ⁾ | 7.200.000.000 | 7.200.000.000 |
| - Vay Ông Trần Tuấn Nam ⁽ⁱ⁾ | 7.200.000.000 | 7.200.000.000 |
| - Vay Bà Trần Thị Vân Loan ⁽ⁱ⁾ | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 19.484.133.261 | 15.818.087.251 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾ | 15.818.087.251 | 15.818.087.251 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 3.666.046.010 | - |
| Cộng | 53.884.133.261 | 50.218.087.251 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân bên liên quan để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu, chế biến thủy sản và chi phí nuôi cá tra hầm với lãi suất theo thỏa thuận nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn vay 02 năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí của “Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang - giai đoạn 2” với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|-------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 22.984.133.261 | 3.500.000.000 | 19.484.133.261 | - |
| Vay dài hạn các cá nhân | 34.400.000.000 | - | 34.400.000.000 | - |
| Cộng | 57.384.133.261 | 3.500.000.000 | 53.884.133.261 | - |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 22.818.087.251 | 7.000.000.000 | 15.818.087.251 | - |
| Vay dài hạn các cá nhân | 34.400.000.000 | - | 34.400.000.000 | - |
| Cộng | 57.218.087.251 | 7.000.000.000 | 50.218.087.251 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 15.818.087.251 | 3.666.046.010 | - | 19.484.133.261 |
| Vay dài hạn các cá nhân | 34.400.000.000 | - | - | 34.400.000.000 |
| Cộng | 50.218.087.251 | 3.666.046.010 | - | 53.884.133.261 |

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-----------------------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| Quỹ phúc lợi | 1.513.326.826 | (1.211.467.699) | 301.859.127 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 515.417.301 | (515.417.301) | - |
| Cộng | 2.028.744.127 | (1.726.885.000) | 301.859.127 |

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-------------------------------------------|---------------|---------------|
| Số đầu năm | 456.809.173 | 412.800.749 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (363.894.643) | (319.886.219) |
| Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại | (92.914.530) | (92.914.530) |
| Số cuối kỳ | - | - |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (kỳ trước thuế suất là 15%).

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------|------------------------|------------------------|
| Trần Văn Nhân | - | 10.524.370.000 |
| Trần Thị Vân Loan | 114.545.230.000 | 75.784.390.000 |
| Trần Tuấn Khanh | 10.794.360.000 | 10.794.360.000 |
| Các cổ đông khác | 102.657.160.000 | 130.893.630.000 |
| Cộng | 227.996.750.000 | 227.996.750.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 22.799.675 | 22.799.675 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 22.799.675 | 22.799.675 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 22.799.675 | 22.799.675 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 22.799.675 | 22.799.675 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 22.799.675 | 22.799.675 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2017 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, đã thông qua việc giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 để cân đối nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh và giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 (nếu có) để tăng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 296.845.500 | 296.845.500 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 1.187.382.003 | 1.187.382.003 |
| Trên 05 năm | 10.695.988.622 | 10.695.988.622 |
| Cộng | <u>12.180.216.125</u> | <u>12.180.216.125</u> |

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang công bố.

24b. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 921.041,68 | 435.163,28 |
| Euro (EUR) | 229,20 | 229,20 |
| Nhân dân tệ (CNY) | 5.335,00 | 5.335,00 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán thành phẩm | 466.222.966.585 | 496.244.096.529 |
| Doanh thu bán phụ phẩm | 42.928.930.781 | 73.978.353.199 |
| Cộng | 509.151.897.366 | 570.222.449.728 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| <i>Bán thức ăn</i> | <i>5.521.000.000</i> | <i>8.128.000.000</i> |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long | | |
| <i>Bán phụ phẩm</i> | <i>-</i> | <i>158.582.300</i> |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chiết khấu thương mại | 253.500.000 | 206.750.000 |
| Hàng bán bị trả lại | - | 431.747.000 |
| Giảm giá hàng bán | 142.640.411 | 797.041.950 |
| Cộng | 396.140.411 | 1.435.538.950 |

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 32.869.410 | 34.756.274 |
| Lãi cho vay | 3.783.606.651 | 3.223.325.005 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 7.000.000.000 |
| Lãi bán ngoại tệ | 643.298.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 563.142.634 | 886.860.919 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 483.733.235 | 492.610.499 |
| Cộng | 5.506.649.930 | 11.637.552.697 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 21.572.537.037 | 24.183.089.207 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | - | 25.094.068 |
| Lỗ bán ngoại tệ | 110.490.000 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 709.330.664 | 1.335.677.958 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 137.699.023 | 692.725.911 |
| Cộng | 22.530.056.724 | 26.236.587.144 |

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 12.800.743.050 | 12.470.174.299 |
| Phí kiểm nghiệm, phí vi sinh | 2.099.937.796 | 2.053.933.421 |
| Phí vận chuyển | 12.504.286.080 | 9.159.183.459 |
| Các chi phí khác | 1.293.540.100 | 2.127.269.466 |
| Cộng | 28.698.507.026 | 25.810.560.645 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 8.737.691.177 | 7.356.192.538 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 158.516.851 | 237.610.519 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 389.348.250 | 389.348.262 |
| Thuế, phí và lệ phí | 320.592.220 | 341.141.210 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 850.389.961 | (95.059.378) |
| Phí chứng từ | 2.463.777.330 | 2.780.785.288 |
| Các chi phí khác | 1.804.057.103 | 1.924.908.951 |
| Cộng | 14.724.372.892 | 12.934.927.390 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chênh lệch thanh toán | 632.800 | 1.595.250 |
| Thu tiền bồi thường thiệt hại tài sản | 156.630.000 | - |
| Cộng | 157.262.800 | 1.595.250 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi hỗ trợ | 14.500.000 | 40.266.758 |
| Chi mua quà biếu | 221.557.970 | 278.426.663 |
| Chi nộp phạt | 4.935.795 | 30.980.055 |
| Các chi phí khác | 79.401.876 | 137.350.062 |
| Cộng | 320.395.641 | 487.023.538 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 143.549.849 | 362.109.306 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (363.894.643) | (319.886.219) |
| Cộng | (220.344.794) | 42.223.087 |

11. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 338.213.369.325 | 475.020.305.802 |
| Chi phí nhân công | 60.432.564.389 | 86.654.741.693 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 14.715.382.540 | 13.551.459.259 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 40.599.879.474 | 39.277.764.976 |
| Chi phí khác | 3.707.487.359 | 4.663.642.326 |
| Cộng | 457.668.683.087 | 619.167.914.056 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 10 (POR 10 từ ngày 01 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,97 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 29 tháng 3 năm 2016, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 11 (POR 11 từ ngày 01 tháng 8 năm 2013 đến ngày 31 tháng 7 năm 2014) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,69 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Công ty chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về mua cá nguyên liệu với các cá nhân có liên quan với số tiền là 797.810.000 VND (cùng kỳ năm trước là 9.858.953.385 VND).

Giá thành phẩm, dịch vụ cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận do Công ty công bố trừ đi khoản chiết khấu. Việc mua thành phẩm, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.20b.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 355.690.000 | 584.915.538 |
| Phụ cấp | 296.000.000 | 345.000.000 |
| Cộng | 651.690.000 | 929.915.538 |

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long | Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Mỹ | Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá thành phẩm, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố trừ đi khoản chiết khấu. Việc mua thành phẩm, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến thức ăn và cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là thương mại (doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Trong nước | 177.121.154.126 | 253.420.495.699 |
| Nước ngoài | 331.634.602.829 | 315.366.415.079 |
| Cộng | 508.755.756.955 | 568.786.910.778 |

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Quwat Albahr For Trading với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 28,69% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 40,75%). Các khách hàng khác có số dư dưới 14% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay tiền khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 94.379.347.526 | - | - | - | 94.379.347.526 |
| Phải thu khách hàng | 205.953.007.694 | - | - | 15.409.205.407 | 221.362.213.101 |
| Các khoản cho vay | 95.054.877.710 | - | - | - | 95.054.877.710 |
| Các khoản phải thu khác | 7.549.785.757 | - | 665.381.210 | - | 8.215.166.967 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | - | - | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| Cộng | 402.937.018.687 | - | 665.381.210 | 19.009.205.407 | 422.611.605.304 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 32.803.065.481 | - | - | - | 32.803.065.481 |
| Phải thu khách hàng | 178.713.879.737 | - | - | 12.549.223.036 | 191.263.102.773 |
| Các khoản cho vay | 87.990.632.434 | - | - | - | 87.990.632.434 |
| Các khoản phải thu khác | 11.933.705.256 | - | 622.930.200 | - | 12.556.635.456 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | - | - | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| Cộng | 311.441.282.908 | - | 622.930.200 | 16.149.223.036 | 328.213.436.144 |

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Phải trả người bán | 85.565.195.351 | - | - | 85.565.195.351 |
| Vay và nợ | 595.291.896.474 | 53.884.133.261 | - | 649.176.029.735 |
| Các khoản phải trả khác | 3.999.328.162 | - | - | 3.999.328.162 |
| Cộng | 684.856.419.987 | 53.884.133.261 | - | 738.740.553.248 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 20.183.061.458 | - | - | 20.183.061.458 |
| Vay và nợ | 599.118.599.398 | 50.218.087.251 | - | 649.336.686.649 |
| Các khoản phải trả khác | 5.103.738.188 | - | - | 5.103.738.188 |
| Cộng | 624.405.399.044 | 50.218.087.251 | - | 674.623.486.295 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------------------------------|---------------------|---------------|-----------------|---------------------|---------------|----------------|
| | USD | EUR | CNY | USD | EUR | CNY |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 921.041,68 | 229,20 | 5.335,00 | 435.163,28 | 229,20 | 5.335,0 |
| Phải thu khách hàng | 8.523.181,66 | - | - | 7.631.568,11 | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 11.000,00 | - | - | 11.000,00 | - | - |
| Phải trả người bán | (18.255,10) | - | - | (18.255,10) | - | - |
| Vay và nợ | - | - | - | (1.154.000,00) | - | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 9.436.968,24 | 229,20 | 5.335,00 | 6.905.476,29 | 229,20 | 5.335,0 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 3.641.726.044 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 3.548.329.953 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 595.291.896.474 VND (số đầu năm là 572.818.939.398 VND và 1.154.000 USD).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 11.905.837.929 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 14.239.630.230 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 221.362.213.101 VND (số đầu năm là 191.263.102.773 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2017.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|----------------|--|
| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 94.379.347.526 | - | 32.803.065.481 | - | 94.379.347.526 | 32.803.065.481 | | |
| Phải thu khách hàng | 221.362.213.101 | (13.399.612.997) | 191.263.102.773 | (12.549.223.036) | 207.962.600.104 | 178.713.879.737 | | |
| Các khoản cho vay | 95.054.877.710 | - | 87.990.632.434 | - | 95.054.877.710 | 87.990.632.434 | | |
| Các khoản phải thu khác | 8.215.166.967 | - | 12.556.635.456 | - | 8.215.166.967 | 12.556.635.456 | | |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 3.600.000.000 | (2.003.536.957) | 3.600.000.000 | (2.003.536.957) | 1.596.463.043 | 1.596.463.043 | | |
| Cộng | 422.611.605.304 | (15.403.149.954) | 328.213.436.144 | (14.552.759.993) | 407.208.455.350 | 313.660.676.151 | | |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Phải trả người bán | 85.565.195.351 | 20.183.061.458 | 85.565.195.351 |
| Vay và nợ | 649.176.029.735 | 649.336.686.649 | 649.176.029.735 | 649.336.686.649 |
| Các khoản phải trả khác | 3.999.328.162 | 5.103.738.188 | 3.999.328.162 | 5.103.738.188 |
| Cộng | 738.740.553.248 | 674.623.486.295 | 738.740.553.248 | 674.623.486.295 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Trương Minh Duy
Người lập biểu


Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2017


Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 183.996.750.000 | 19.920.224.200 | 13.724.355.427 | 70.406.344.874 | 288.047.674.501 |
| Phát hành cổ phiếu chuyển đổi | 44.000.000.000 | (4.400.000.000) | - | - | 39.600.000.000 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 10.745.314.259 | 10.745.314.259 |
| Chia cổ tức trong kỳ trước | - | - | - | (11.039.805.000) | (11.039.805.000) |
| Số dư cuối kỳ trước | 227.996.750.000 | 15.520.224.200 | 13.724.355.427 | 70.111.854.133 | 327.353.183.760 |
| Số dư đầu năm nay | 227.996.750.000 | 15.520.224.200 | 13.724.355.427 | 82.930.405.345 | 340.171.734.972 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 11.507.963.633 | 11.507.963.633 |
| Số dư cuối kỳ này | 227.996.750.000 | 15.520.224.200 | 13.724.355.427 | 94.438.368.978 | 351.679.698.605 |

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2017



(Handwritten signature)

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng



(Handwritten signature)

Trương Minh Duy
Người lập

